

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2019/HC-PT

Ngày: 29/10/2019

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về quản lý
đất đai.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Ông Điều Văn Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 277/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9871/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện L, tỉnh H; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành A - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh H; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Nguyễn Thu T trình bày: Bà là con gái của cụ Nguyễn Văn H (đã chết) và cụ Nguyễn Thị D. Năm 1992, thực hiện Quyết định 115 ngày 15/02/1992 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh H, bà không được giao chia đất nông nghiệp theo quy định. Do vậy, ngày 04/9/2018, bà gửi đơn đến Chủ tịch UBND xã C đề nghị phải giao chia đất nông nghiệp cho bà để đảm bảo quyền lợi ích của bà theo quy định. Sau khi nhận được đơn đề nghị của bà, UBND xã C đã ban hành Thông báo số 12/TB-UBND ngày 14/9/2018 về việc trả lời đơn của công dân, trong đó đã khẳng định đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn bà được giao chung thửa và chung hộ với cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị D. Không nhất trí với Thông báo số 12/TB-UBND của UBND xã C, ngày 28/9/2018 bà làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện L với nội dung: Việc UBND xã C cho rằng bà được giao đất tiêu chuẩn cùng thửa với hộ cụ D và cụ H là không đúng vì tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn H ngày 10/8/2004 không thể hiện việc bà được giao chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 nên bà đề nghị Chủ tịch UBND huyện L có văn bản buộc UBND xã C giải quyết giao chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 cho bà. Tuy nhiên, UBND huyện L không giải quyết đơn khiếu nại của bà theo thẩm quyền mà ban hành Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 trả lại đơn và hướng dẫn công dân là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án: Hủy Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 và buộc Chủ tịch UBND huyện L nhận lại đơn khiếu nại của bà để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía người bị kiện có quan điểm: Ngày 01/10/2018, UBND huyện L nhận được đơn khiếu nại đề ngày 28/9/2018 của bà Nguyễn Thu T. Nội dung khiếu nại việc UBND xã C không giao, chia đất tiêu chuẩn theo Quyết định 115 của UBND tỉnh H ngày 15 tháng 02 năm 1992 cho bà. Sau khi nghiên cứu đơn, xét thấy đây là nội dung khiếu nại lần đầu và chưa được UBND xã C xem xét giải quyết. Do vậy, căn cứ Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Công văn số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 trả lại đơn của bà T và hướng dẫn bà gửi đơn khiếu nại tới UBND xã C để được xem xét giải quyết. Do vậy, việc UBND huyện ban hành Công văn số 1048/UBND-BTD là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thu T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã C có quan điểm: Căn cứ nội dung đề nghị ngày 04/9/2018 của bà T, UBND xã C đã ban hành Thông báo số 12/TB-UBND ngày 14/9/2018 trả lời bà T, tại thời điểm thực hiện Quyết định 115 bà T là thành viên trong hộ cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị D và đã được Hợp tác xã lên phương án giao đất chung trong hộ cụ H, cụ D đảm bảo

đủ diện tích, đến nay diện tích đất tiêu chuẩn trên vẫn nằm chung thửa và chung hộ với cụ H, cụ D; nếu bà muốn giao đất ở vị trí nào đề nghị bà thống nhất trong gia đình bằng văn bản gửi UBND xã để phối hợp giao vị trí đất đảm bảo quyền lợi cho bà. Sau khi nhận được Thông báo số 12/TB-UBND của UBND xã C bà T có đơn khiếu nại gửi UBND huyện L. Ngày 12/10/2018, UBND xã C nhận được Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 của UBND huyện L hướng dẫn bà gửi đơn khiếu nại tới UBND xã C để được xem xét giải quyết. Tuy nhiên đến nay UBND xã C không nhận được đơn và ý kiến khiếu nại của bà T theo hướng dẫn tại Văn bản số 1048/UBND-BTD của Chủ tịch UBND huyện L. Vì vậy việc khởi kiện của bà T là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thu T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; 204; 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 30; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T về việc đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 và buộc Chủ tịch UBND huyện L nhận lại đơn khiếu nại của bà để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/7/2019, người khởi kiện là bà Nguyễn Thu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Nguyễn Thu T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm, hủy Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 và buộc Chủ tịch UBND huyện L nhận lại đơn khiếu nại của bà để giải quyết theo quy định của pháp luật và bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị xem xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là 02 Hội thẩm nhân dân tại phiên tòa sơ thẩm không đúng như trong bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Chủ tịch UBND huyện L ban hành Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 là đúng quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại; khoản 1 Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T là có căn cứ. Tại phiên tòa

phúc thẩm bà T bổ sung kháng cáo là cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng, 02 Hội thẩm nhân dân tại phiên tòa sơ thẩm không đúng như trong bản án sơ thẩm. Xét thấy, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H, Hội thẩm nhân dân là ông Hoàng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, nhưng tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 12/2019/QĐ-TA ngày 06/8/2019 đã sửa chữa, bổ sung các Hội thẩm nhân dân là ông Phạm Tiến Dũng và ông Nguyễn Hữu Nam phù hợp với biên bản nghị án và biên bản phiên tòa, sai sót trên do nhầm lẫn đã được sửa chữa; nên không chấp nhận kháng cáo của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T là khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Thành T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về kháng cáo của bà Nguyễn Thu T đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 và buộc Chủ tịch UBND huyện L nhận lại đơn khiếu nại để quyết đơn khiếu nại của bà đề ngày 28/9/2018 theo quy định của pháp luật, xét thấy: Ngày 04/9/2018, bà T có đơn gửi Chủ tịch UBND xã C phải giao chia đất nông nghiệp cho bà T theo Quyết định 115. Ngày 14/9/2018, Chủ tịch UBND xã C ban hành Thông báo số 12/TB-UBND trả lời bà T, có nội dung: Tại thời điểm thực hiện Quyết định 115 bà T là thành viên trong hộ cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị Dư và đã được Hợp tác xã lên phương án giao đất chung trong hộ cụ H, cụ D đảm bảo đủ diện tích, đến nay diện tích đất tiêu chuẩn trên vẫn nằm chung thửa và chung hộ với cụ H, cụ D; nếu bà muốn giao đất ở vị trí nào đề nghị bà thống nhất trong gia đình bằng văn bản gửi UBND xã để phối hợp giao vị trí đất đảm bảo quyền lợi cho bà.

[4]. Đơn đề ngày 04/9/2018 của bà T gửi Chủ tịch UBND xã C là đơn đề nghị của công dân, trình bày nguyện vọng và nhu cầu của mình đến cơ quan có thẩm quyền, không phải đơn khiếu nại theo quy định tại Điều 2 Luật khiếu nại. Chủ tịch UBND xã C ban hành Thông báo số 12/TB-UBND đã trả lời đơn đề nghị là thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ.

[5]. Không nhất trí Thông báo số 12/TB-UBND, bà T không khiếu nại đối với Thông báo số 12/TB-UBND đến Chủ tịch UBND xã C theo quy định tại Điều 7 Luật khiếu nại; mà ngày 28/9/2018, bà T làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện L. Tại Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018, Chủ tịch UBND huyện L đã hướng dẫn bà T gửi đơn khiếu nại tới UBND xã C để được xem xét giải quyết là đúng quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại; khoản 1 Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ. Sau khi nhận được Văn bản số 1048/UBND-BTD của UBND huyện L, bà T không thực hiện quyền của mình, không có đơn khiếu nại và liên hệ với UBND xã C để được giải quyết khiếu nại theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T hủy Văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 và buộc Chủ tịch UBND huyện L nhận lại đơn khiếu nại để giải quyết đơn khiếu nại của bà T.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T bổ sung kháng cáo là cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng, 02 Hội thẩm nhân dân tại phiên tòa xét xử sơ thẩm không đúng như trong bản án sơ thẩm. Xét thấy, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H, Hội thẩm nhân dân là ông Hoàng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, nhưng tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 12/2019/QĐ-TA ngày 06/8/2019 đã sửa chữa, bổ sung các Hội thẩm nhân dân là ông Phạm Tiến Dũng và ông Nguyễn Hữu Nam phù hợp với biên bản nghị án và biên bản phiên tòa, sai sót trên do nhầm lẫn đã được sửa chữa; nên không chấp nhận kháng cáo của bà T.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thu T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ cho bà T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004038 ngày 11/7/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình